TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số:123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2024
V/v "Ly hôn giữa bà Tuyền và ông Phương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn

2. Bà Phan Thị Mai Khanh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 698/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 26/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm 19xx (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 122/xx đường BĐ, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Tấn P – sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 785/x đường HB, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 13/11/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 1/2013, ngày 04/5/2013 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Từ năm 2013 đến năm 2020, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 122/xx đường BĐ, phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do từ năm 2015 trở đi ông P không đi làm,

thường xuyên đánh bạc và chơi game bắn cá online, không chăm lo gia đình, bà T còn phải trả nợ cờ bạc cho ông P. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, do ông P bỏ về nhà cha mẹ chồng tại Số 785/x đường HB, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông P vẫn luôn liên hệ qua số điện thoại bà T để xin tiền. Từ tháng 4/2023, ông P còn có hành vi nhắn tin, gọi điện xúc phạm bà T khi không xin được tiền từ bà T. Đời sống hôn nhân không thể hàn gắn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Tấn P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Phương A (nữ) – sinh ngày 18/7/20xx, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Ngô Tấn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phía bị đơn ông Ngô Tấn P đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại đơn xin ly hôn và bản khai, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Ngô Tấn P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà T tại đơn xin ly hôn và bản khai thì bà T và ông P sống không hòa thuận, phát sinh nhiều thuẫn không hàn gắn được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng cũng không có văn bản ý kiến phản hồi, không chấp hành pháp luật. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Ngô Tấn P; Giao 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Phương A (nữ) – sinh ngày 18/7/20xx cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và

nợ chung: bà T xác định không có. Về án phí, bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Ngô Tấn P có nơi cư trú tại Quận S nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Tấn P có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Ngô Tấn P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có xin xét xử vắng mặt và được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do ông P không đi làm mà thường xuyên đánh bạc và chơi game bắn cá online, bà đã nhiều lần trả nợ và yêu cầu ông P chấm dứt cờ bạc nhưng ông P không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Ngô Tấn P.

Phía bị đơn ông Ngô Tấn P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà Tuyền và ông P hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án dù đã được triệp tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Phương A (nữ) – sinh ngày 18/7/2014 bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Ngô Tấn P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thực tế hiện nay bà T là người trực tiếp chăm sóc con từ năm 2020 khi bà và ông P sống ly thân cho đến nay, mặc khác nguyện vọng của con là muốn sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Tấn P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc
hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Tấn P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 1/2013, ngày 04/5/2013 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao con chung tên Ngô Nguyễn Phương A (nữ) – sinh ngày 18/7/20xx cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Tấn P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Thanh T

Các bên phải tạo mọi điều kiện cho nhau khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0038599 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.S;
- CCTHADS Q.S;
- UBND P.H, QS;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu